

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận tốt nghiệp	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
1	Trương Hải Âu	28/4/1997	Nam	Hậu Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010628	CĐ.001.24/1507
2	Liêu Thanh Bình	18/10/1999	Nam	Cần Thơ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010629	CĐ.002.24/1507
3	Huỳnh Ngọc Cương	02/10/1990	Nam	Đồng Tháp	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010630	CĐ.003.24/1507
4	Tổng Hải Đăng	17/3/1984	Nam	An Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010631	CĐ.004.24/1507
5	Đỗ Lê Vũ Di	20/02/1993	Nam	Cần Thơ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010632	CĐ.005.24/1507
6	Nguyễn Văn Dũng	05/3/1986	Nam	Bến Tre	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010633	CĐ.006.24/1507
7	Phan Thế Duy	28/11/1993	Nam	Hậu Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010634	CĐ.007.24/1507
8	Trần Thị Mỹ Duyên	20/5/1992	Nữ	Cần Thơ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010635	CĐ.008.24/1507
9	Đặng Minh Hiếu	17/7/1993	Nam	An Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010636	CĐ.009.24/1507
10	Dương Thị Ngọc Huyền	20/02/1991	Nữ	Hậu Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010637	CĐ.010.24/1507
11	Võ Thị Lùng	12/10/1988	Nữ	Bến Tre	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010638	CĐ.011.24/1507
12	Nguyễn Hữu Nghi	14/4/1984	Nam	Đồng Tháp	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010639	CĐ.012.24/1507
13	Trần Quang Ngọc	22/11/1991	Nam	Vĩnh Long	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010640	CĐ.013.24/1507
14	Nguyễn Chí Nguyễn	03/12/1993	Nam	Bạc Liêu	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010641	CĐ.014.24/1507
15	Nguyễn Thành Nhân	18/3/1993	Nam	Bạc Liêu	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010642	CĐ.015.24/1507
16	Nguyễn Thành Phẩm	25/12/1992	Nam	Bạc Liêu	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010643	CĐ.016.24/1507
17	Huỳnh Minh Quang	29/7/1990	Nam	Sóc Trăng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010644	CĐ.017.24/1507
18	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	01/01/1997	Nữ	Đồng Tháp	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010645	CĐ.018.24/1507
19	Lê Văn Thiện	01/01/1991	Nam	Bạc Liêu	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010646	CĐ.019.24/1507
20	Nguyễn Phúc Thịnh	22/7/1995	Nam	Hậu Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010647	CĐ.020.24/1507
21	Huỳnh Quang Tiến	26/7/1993	Nam	Vĩnh Long	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010648	CĐ.021.24/1507
22	Bùi Minh Triết	10/10/1995	Nam	An Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010649	CĐ.022.24/1507
23	La Viên Nhật Trung	05/4/1993	Nam	Kiên Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010650	CĐ.023.24/1507
24	Ngô Đức Trung	13/10/1994	Nam	An Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	125/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010651	CĐ.024.24/1507
25	Đặng Trọng Anh	21/06/1996	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010652	CĐ.025.24/1507
26	Lâm Xuân Bách	19/9/1996	Nam	Kiên Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010653	CĐ.026.24/1507
27	Lê Văn Điền	05/8/1984	Nam	Hậu Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010654	CĐ.027.24/1507
28	Phan Hoàng Dũng	05/3/1988	Nam	Đồng Tháp	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010655	CĐ.028.24/1507

29	Đào Văn Dương	24/3/1986	Nam	An Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010656	CĐ.029.24/1507
30	Đào Hoàng Duy	25/9/1991	Nam	Hậu Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010657	CĐ.030.24/1507
31	Hoàng Mạnh Hà	17/01/1978	Nam	Nam Định	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010658	CĐ.031.24/1507
32	Hoàng Thu Hồng	15/9/1991	Nữ	Hà Nội	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010659	CĐ.032.24/1507
33	Khúc Mạnh Hùng	17/01/1997	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010660	CĐ.033.24/1507
34	Danh Hưng	25/8/1981	Nam	Kiên Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010661	CĐ.034.24/1507
35	Lê Trung Kiên	16/5/1990	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010662	CĐ.035.24/1507
36	Hà Văn Mạnh	12/08/1997	Nam	Sơn La	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010663	CĐ.036.24/1507
37	Nguyễn Hoàng Minh	12/8/1991	Nam	Kiên Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010664	CĐ.037.24/1507
38	Trần Thanh Nam	27/02/1996	Nam	Vĩnh Long	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010665	CĐ.038.24/1507
39	Lê Văn Nghĩa	01/10/1980	Nam	Quảng Trị	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010666	CĐ.039.24/1507
40	Nguyễn Lương Nhân	24/5/1991	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010667	CĐ.040.24/1507
41	Đình Quốc Quân	06/02/1990	Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010668	CĐ.041.24/1507
42	Biện Hoàng Sang	24/4/1978	Nam	Bạc Liêu	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010669	CĐ.042.24/1507
43	Nguyễn Văn Sang	09/12/1990	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010670	CĐ.043.24/1507
44	Nguyễn Thành Sơn	03/4/1968	Nam	Đồng Tháp	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010671	CĐ.044.24/1507
45	Trương Mạnh Thắng	3/11/1984	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010672	CĐ.045.24/1507
46	Nguyễn Văn Hữu Thành	20/01/1989	Nam	Bến Tre	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010673	CĐ.046.24/1507
47	Nguyễn Văn Thoại	03/5/1979	Nam	Vĩnh Long	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010674	CĐ.047.24/1507
48	Đặng Hoàng Thuận	21/9/1983	Nam	Sóc Trăng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010675	CĐ.048.24/1507
49	Hà Công Tiệp	09/11/1989	Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010676	CĐ.049.24/1507
50	Trần Trọng Tinh	11/4/1985	Nam	Bạc Liêu	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010677	CĐ.050.24/1507
51	Lê Sơn Tùng	25/5/1990	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010678	CĐ.051.24/1507
52	Đỗ Văn Út	12/4/1975	Nam	Vĩnh Long	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010679	CĐ.052.24/1507
53	Vũ Ngọc Vương	27/7/1992	Nam	Điện Biên	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010680	CĐ.053.24/1507
54	Nguyễn Hoàng Phúc Nghiêm	10/07/1998	Nam	Cần Thơ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010681	CĐ.054.24/1507
55	Nguyễn Hoàng Tấn	18/08/1997	Nam	Tiền Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	126/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010682	CĐ.055.24/1507
56	Hoàng Thị Lan Anh	10/10/1992	Nữ	Yên Bái	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010683	CĐ.56.24/1507
57	Hoàng Thị Thanh Bầy	08/9/1985	Nữ	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010684	CĐ.57.24/1507
58	Hồ Phi Biên	28/10/1989	Nam	Nghệ An	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010685	CĐ.58.24/1507

59	Vừ A Chí	08/8/1985	Nam	Điện Biên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010686	CĐ.59.24/1507
60	Mạc Thị Dung	08/02/1993	Nữ	Hải Dương	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010687	CĐ.60.24/1507
61	Đặng Đình Giang	12/11/1987	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010688	CĐ.61.24/1507
62	An Thị kim Hạ	11/5/1976	Nữ	Hung Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010689	CĐ.62.24/1507
63	Ma Thị Hoài	07/9/1987	Nữ	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010690	CĐ.63.24/1507
64	Lưu Thị Huê	05/12/1981	Nữ	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010691	CĐ.64.24/1507
65	Lê Thị Hương	10/8/1972	Nữ	Sơn La	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010692	CĐ.65.24/1507
66	Đỗ Minh Khương	01/9/1990	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010693	CĐ.66.24/1507
67	Nguyễn Thị My	04/12/1979	Nữ	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010694	CĐ.67.24/1507
68	Nguyễn Thị Ngà	01/01/1984	Nữ	Hải Dương	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010695	CĐ.68.24/1507
69	Hoàng Thị Hồng Nhung	16/3/1992	Nữ	Nam Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010696	CĐ.69.24/1507
70	Phạm Thị Oanh	16/5/1977	Nữ	Thái Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010697	CĐ.70.24/1507
71	Lương Văn Quý	09/6/1991	Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010698	CĐ.71.24/1507
72	Sùng A Tổng	21/4/1991	Nam	Điện Biên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	127/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010699	CĐ.72.24/1507
73	Trịnh Xuân Bách	18/8/1991	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010700	CĐ.073.24/1507
74	Nguyễn Bá Đạt	27/01/1985	Nam	Quảng Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010701	CĐ.074.24/1507
75	Dương Thị Giang	02/01/1984	Nữ	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010702	CĐ.075.24/1507
76	Nguyễn Thị Thu Giang	03/9/1989	Nữ	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010703	CĐ.076.24/1507
77	Trần Thị Ngọc Hà	26/02/1987	Nữ	Quảng Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010704	CĐ.077.24/1507
78	Đỗ Thị Thu Hiền	31/7/1972	Nữ	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010705	CĐ.078.24/1507
79	Sái Thị Hoa	01/01/1990	Nữ	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010706	CĐ.079.24/1507
80	Đình Thị Minh Huệ	06/9/1995	Nữ	Ninh Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010707	CĐ.080.24/1507
81	Nguyễn Thị Minh Huệ	14/12/1999	Nữ	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010708	CĐ.081.24/1507
82	Phan Thị Thu Hương	25/10/1987	Nữ	Yên Bái	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010709	CĐ.082.24/1507
83	Dương Thị Kim Khánh	05/8/1996	Nữ	Lạng Sơn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010710	CĐ.083.24/1507
84	Đào Thị Lan	09/7/1990	Nữ	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010711	CĐ.084.24/1507
85	Vũ Ngọc Linh	24/9/1994	Nữ	Sơn La	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010712	CĐ.085.24/1507
86	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/8/1989	Nữ	Bắc Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010713	CĐ.086.24/1507
87	Phạm Thị Nhài	27/02/1986	Nữ	Thái Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010714	CĐ.087.24/1507
88	Hoàng Thị Nhung	25/7/1989	Nữ	Quảng Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010715	CĐ.088.24/1507

89	Hoàng Thị Quyên	01/02/1989	Nữ	Yên Bái	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010716	CĐ.089.24/1507
90	Lò Thị Thanh	26/3/1992	Nữ	Yên Bái	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010717	CĐ.090.24/1507
91	Trần Thị Phương Thảo	01/5/1993	Nữ	Quảng Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010718	CĐ.091.24/1507
92	Vũ Thị Thu	13/5/1985	Nữ	Hung Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010719	CĐ.092.24/1507
93	Đỗ Kiều Trang	19/12/1991	Nữ	Lào Cai	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	128/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010720	CĐ.093.24/1507
94	Nguyễn Việt An	21/9/1992	Nữ	Điện Biên	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010721	CĐ.94.24/1507
95	Nguyễn Thị Anh	01/4/1979	Nữ	Phú Thọ	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010722	CĐ.95.24/1507
96	Liêu Thị Bé	02/9/1975	Nữ	Bắc Kạn	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010723	CĐ.96.24/1507
97	Trần Thị Ngọc Bích	03/4/1988	Nữ	Kon Tum	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010724	CĐ.97.24/1507
98	Lò Kiều Chi	10/8/1983	Nữ	Lai Châu	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010725	CĐ.98.24/1507
99	Lò Thị Chiện	08/8/1985	Nữ	Lai Châu	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010726	CĐ.99.24/1507
100	Lò Thị Chiêu	10/5/1985	Nữ	Điện Biên	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010727	CĐ.100.24/1507
101	Bạc Thị Diệp	01/10/1989	Nữ	Sơn La	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010728	CĐ.101.24/1507
102	Hà Thị Dung	26/5/1981	Nữ	Phú Thọ	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010729	CĐ.102.24/1507
103	Nông Thị Dung	12/9/1985	Nữ	Yên Bái	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010730	CĐ.103.24/1507
104	Đặng Thị Thùy Duyên	22/12/1987	Nữ	Gia Lai	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010731	CĐ.104.24/1507
105	Bùi Thị Duyên	11/8/1987	Nữ	Điện Biên	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010732	CĐ.105.24/1507
106	Trần Thị Hằng	15/01/1986	Nữ	Thái Bình	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010733	CĐ.106.24/1507
107	Nguyễn Thị Thanh Hoà	10/10/1981	Nữ	Phú Thọ	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010734	CĐ.107.24/1507
108	Lăng Thị Hoan	06/5/1990	Nữ	Kon Tum	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010735	CĐ.108.24/1507
109	Lương Thị Hồng	04/02/1977	Nữ	Nghệ An	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010736	CĐ.109.24/1507
110	Vũ Thị Hồng	26/12/1974	Nữ	Lào Cai	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010737	CĐ.110.24/1507
111	Liêu Thị Lý	04/10/1972	Nữ	Bắc Kạn	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010738	CĐ.111.24/1507
112	Đặng Thị Mai	24/10/1989	Nữ	Lào Cai	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010739	CĐ.112.24/1507
113	Hà Thị Minh	28/8/1987	Nữ	Tuyên Quang	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010740	CĐ.113.24/1507
114	Hoàng Kim Ngân	20/8/1988	Nữ	Hà Tĩnh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010741	CĐ.114.24/1507
115	Lò Thị Ngân	25/12/1984	Nữ	Lai Châu	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010742	CĐ.115.24/1507
116	Hoàng Thị Nguyệt	16/7/1984	Nữ	Nghệ An	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010743	CĐ.116.24/1507
117	Nguyễn Thùy Nhung	22/12/1989	Nữ	Hà Nam	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010744	CĐ.117.24/1507
118	Trần Thị Nhung	28/8/1985	Nữ	Vĩnh Phúc	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010745	CĐ.118.24/1507

119	Dương Thị Kim Oanh	22/02/1992	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010746	CĐ.119.24/1507
120	Y Phi	16/11/1990	Nữ	Kon Tum	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010747	CĐ.120.24/1507
121	Lò Thị Phương	10/9/1987	Nữ	Lai Châu	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010748	CĐ.121.24/1507
122	Y Quân	20/02/1989	Nữ	Kon Tum	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010749	CĐ.122.24/1507
123	Nguyễn Thị Lệ Quyên	12/12/21987	Nữ	Thái Bình	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010750	CĐ.123.24/1507
124	Hoàng Thị Tiêm	21/01/1971	Nữ	Bắc Kạn	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010751	CĐ.124.24/1507
125	Lương Thị Yên	18/9/1993	Nữ	Lào Cai	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010752	CĐ.125.24/1507
126	Đặng Thị Bền	19/12/1985	Nữ	Yên Bái	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010753	CĐ.126.24/1507
127	Chang Thị Bình	11/11/1985	Nữ	Lào Cai	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010754	CĐ.127.24/1507
128	Đoàn Thị Chi	07/10/1975	Nữ	Hà Nam	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010755	CĐ.128.24/1507
129	Lê Phương Dung	20/01/1988	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010756	CĐ.129.24/1507
130	Nguyễn Thị Minh Hải	27/01/1982	Nữ	Bắc Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010757	CĐ.130.24/1507
131	An Thị Thanh Hoa	05/12/1989	Nữ	Hà Nam	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010758	CĐ.131.24/1507
132	Nguyễn Thị Hoàn	16/8/1980	Nữ	Quảng Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010759	CĐ.132.24/1507
133	Hoàng Thị Hợi	05/01/1987	Nữ	Yên Bái	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010760	CĐ.133.24/1507
134	Phạm Thị Thu Hương	25/02/1973	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010761	CĐ.134.24/1507
135	Tạ Thị Hương	18/8/1982	Nữ	Bắc Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010762	CĐ.135.24/1507
136	Nguyễn Thị Khảm	23/02/1990	Nữ	Yên Bái	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010763	CĐ.136.24/1507
137	Đinh Thị Phương	21/7/1983	Nữ	Ninh Bình	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010764	CĐ.137.24/1507
138	Nguyễn Thị Hồng Phương	21/01/1982	Nữ	Bắc Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010765	CĐ.138.24/1507
139	Phạm Thị Phương	28/02/1991	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010766	CĐ.139.24/1507
140	Trương Thị Quỳnh	25/3/1979	Nữ	Lào Cai	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010767	CĐ.140.24/1507
141	Trịnh Thị Sinh	09/9/1980	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010768	CĐ.141.24/1507
142	Lê Thị Thảo	18/8/1986	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010769	CĐ.142.24/1507
143	Nguyễn Thị Thu	28/10/1979	Nữ	Bắc Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010770	CĐ.143.24/1507
144	Nguyễn Thị Thuận	24/8/1982	Nữ	Bắc Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010771	CĐ.144.24/1507
145	Hoàng Thị Tư	13/12/1984	Nữ	Lào Cai	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010772	CĐ.145.24/1507
146	Đào Thị Ánh Tuyết	10/9/1990	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010773	CĐ.146.24/1507
147	Đỗ Thị Xoan	20/6/1980	Nữ	Quảng Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010774	CĐ.147.24/1507
148	Lê Thị Chung	06/02/1979	Nữ	Thanh Hóa	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010775	CĐ.148.24/1507

149	Bàn Thị Đoàn	04/6/1987	Nữ	Yên Bái	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010776	CĐ.149.24/1507
150	Loan Thị Hạnh	18/9/1978	Nữ	Quảng Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010777	CĐ.150.24/1507
151	Ma Thị Hồng	02/12/1986	Nữ	Tuyên Quang	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010778	CĐ.151.24/1507
152	Lương Thị Hương	25/10/1975	Nữ	Nam Định	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010779	CĐ.152.24/1507
153	Nguyễn Thị Mai Hương	08/01/1997	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010780	CĐ.153.24/1507
154	Lê Thị Huyền	15/9/1973	Nữ	Thanh Hóa	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010781	CĐ.154.24/1507
155	Mạ Thị Liễu	16/3/1979	Nữ	Quảng Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010782	CĐ.155.24/1507
156	La Thị Sen	18/11/1980	Nữ	Quảng Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010783	CĐ.156.24/1507
157	Hà Thị Thanh	27/4/1983	Nữ	Quảng Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010784	CĐ.157.24/1507
158	Nguyễn Thị Kim Thoa	07/12/1972	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010785	CĐ.158.24/1507
159	Vũ Thị Thoan	30/4/1973	Nữ	Nam Định	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010786	CĐ.159.24/1507
160	Nguyễn Minh Thùy	09/9/1982	Nữ	Hải Dương	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010787	CĐ.160.24/1507
161	Phạm Thị Thanh Thủy	11/8/1987	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010788	CĐ.161.24/1507
162	Nông Hà Xuyên	24/2/1986	Nữ	Quảng Ninh	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010789	CĐ.162.24/1507
163	Chu Thị Yên	28/11/1995	Nữ	Hà Nội	Hộ sinh	Chính quy	2024	Khá	129/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010790	CĐ.163.24/1507
164	Dầu Thị Bày	22/4/1995	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010791	CĐ.164.24/1507
165	Nông Thị Bén	01/09/1996	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010792	CĐ.165.24/1507
166	Lê Thị Cúc	28/4/1984	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010793	CĐ.166.24/1507
167	Lê Thị Hà	17/10/1982	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010794	CĐ.167.24/1507
168	Hoàng Văn Hiệp	18/02/1994	Nam	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010795	CĐ.168.24/1507
169	Tào Thị Hoa	04/12/1990	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010796	CĐ.169.24/1507
170	Ngô Thị Hoan	08/8/1987	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010797	CĐ.170.24/1507
171	Nguyễn Thị Hoan	12/04/1985	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010798	CĐ.171.24/1507
172	Nguyễn Văn Hùng	18/12/1994	Nam	Hải Phòng	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010799	CĐ.172.24/1507
173	Vi Thị Hường	11/4/1994	Nữ	Lạng Sơn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010800	CĐ.173.24/1507
174	Hoàng Thị Khuyên	26/10/1993	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010801	CĐ.174.24/1507
175	Nguyễn Thị Thúy Lan	06/9/1997	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010802	CĐ.175.24/1507
176	Trần Thị Ngọc Lan	02/5/1986	Nữ	Hà Nam	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010803	CĐ.176.24/1507
177	Hoàng Dương Liễu	18/12/1990	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010804	CĐ.177.24/1507
178	Phạm Thị Mến	15/7/1994	Nữ	Hòa Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010805	CĐ.178.24/1507

179	Hoàng Thị Nhó	05/7/1985	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010806	CĐ.179.24/1507
180	Tô Thị Nhung	29/12/1993	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010807	CĐ.180.24/1507
181	Dương Khánh Ninh	01/01/2000	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010808	CĐ.181.24/1507
182	Ma Thị Hương Sen	16/4/1992	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010809	CĐ.182.24/1507
183	Khuong Trung Sơn	18/5/1997	Nam	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010810	CĐ.183.24/1507
184	Mông Thị Sương	10/7/1987	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010811	CĐ.184.24/1507
185	Nguyễn Văn Thao	30/11/1989	Nam	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010812	CĐ.185.24/1507
186	Hà Đức Thọ	12/02/1986	Nam	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010813	CĐ.186.24/1507
187	Lê Thị Thúy	07/12/1983	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010814	CĐ.187.24/1507
188	Trần Thị Thủy	07/5/1991	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010815	CĐ.188.24/1507
189	Trần Thị Thanh Trà	27/11/1987	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010816	CĐ.189.24/1507
190	Đỗ Quốc Việt	25/11/1976	Nam	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010817	CĐ.190.24/1507
191	Trần Thanh Xuân	22/4/1992	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010818	CĐ.191.24/1507
192	Lê Thu Ánh	10/08/1991	Nữ	Quảng Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010819	CĐ.192.24/1507
193	Phạm Văn Bảy	20/10/1964	Nam	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010820	CĐ.193.24/1507
194	Chu Thị Điệp	20/03/1988	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010821	CĐ.194.24/1507
195	Nguyễn Thị Dung	07/06/1984	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010822	CĐ.195.24/1507
196	Nguyễn Thị Thu Giang	28/12/1989	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010823	CĐ.196.24/1507
197	Trịnh Khắc Hải	10/12/1987	Nam	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010824	CĐ.197.24/1507
198	Đỗ Thị Hoài	29/05/1994	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010825	CĐ.198.24/1507
199	Lê Thị Minh Huyền	04/02/1992	Nữ	Hòa Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010826	CĐ.199.24/1507
200	Trần Thị Thủy Linh	02/12/1994	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010827	CĐ.200.24/1507
201	Nguyễn Thị Loan	11/5/1991	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010828	CĐ.201.24/1507
202	Nông Thị Lưu	14/08/1988	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010829	CĐ.202.24/1507
203	Nguyễn Thị Mai	18/8/1990	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010830	CĐ.203.24/1507
204	Lê Thị Miến	26/9/1991	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010831	CĐ.204.24/1507
205	Nguyễn Thị Nga	10/10/1984	Nữ	Lào Cai	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010832	CĐ.205.24/1507
206	Nguyễn Thị Ngoan	04/05/1993	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010833	CĐ.206.24/1507
207	Nguyễn Thị Ngọc	20/09/1985	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010834	CĐ.207.24/1507
208	Chu Thị Nhâm	29/02/1992	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010835	CĐ.208.24/1507

209	Lục Cẩm Nhung	20/8/1981	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010836	CĐ.209.24/1507
210	Lê Thị Phương	20/10/1989	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010837	CĐ.210.24/1507
211	Vũ Thị Tân	04/7/1990	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010838	CĐ.211.24/1507
212	Lê Thị Tân	01/01/1973	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010839	CĐ.212.24/1507
213	Nguyễn Thị Thanh	07/09/1992	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010840	CĐ.213.24/1507
214	Nguyễn Thị Thảo	10/10/1986	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010841	CĐ.214.24/1507
215	Lê Văn Thịnh	26/6/1989	Nam	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010842	CĐ.215.24/1507
216	Nguyễn Thị Thanh Thoa	04/8/1987	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010843	CĐ.216.24/1507
217	Nguyễn Thị Thuỳ	19/6/1993	Nữ	Lào Cai	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010844	CĐ.217.24/1507
218	Phùng Thị Tính	05/01/1990	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010845	CĐ.218.24/1507
219	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010846	CĐ.219.24/1507
220	Cao Thị Ánh Tuyết	15/11/1996	Nữ	Quảng Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010847	CĐ.220.24/1507
221	Chu Thị Hải Yến	23/10/1992	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010848	CĐ.221.24/1507
222	Nguyễn Thị Phương Anh	17/05/1991	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010849	CĐ.222.24/1507
223	Vì Thị Vân Anh	19/03/1994	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010850	CĐ.223.24/1507
224	Nguyễn Ngọc Diễm Bích	10/02/1994	Nữ	Đắk Lắk	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010851	CĐ.224.24/1507
225	Giàng Thị Dính	31/12/1994	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010852	CĐ.225.24/1507
226	Nguyễn Thị Kim Dung	30/06/1989	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010853	CĐ.226.24/1507
227	Vũ Thị Hà	28/06/1993	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010854	CĐ.227.24/1507
228	Hà Mỹ Hạnh	20/9/1990	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010855	CĐ.228.24/1507
229	Nguyễn Thị Mai Hương	26/10/1988	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010856	CĐ.229.24/1507
230	Lò Thị Thúy Kiều	04/6/1990	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010857	CĐ.230.24/1507
231	Phạm Thị Thúy Lan	29/07/1975	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010858	CĐ.231.24/1507
232	Ngô Thị Lua	23/4/1991	Nữ	Bắc Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010859	CĐ.232.24/1507
233	Vũ Thị Tuyết Mai	10/10/1987	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010860	CĐ.233.24/1507
234	Dương Thị Kim Ngọc	04/01/1991	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010861	CĐ.234.24/1507
235	Cà Thị Nguyệt	16/8/1989	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010862	CĐ.235.24/1507
236	Lò Thị Nhung	06/01/1995	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010863	CĐ.236.24/1507
237	Quảng Thị Phương	19/10/1991	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010864	CĐ.237.24/1507
238	Lê Thị Sen	22/10/1995	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010865	CĐ.238.24/1507

239	Cầm Thị Sơn	28/08/1993	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010866	CĐ.239.24/1507
240	Nguyễn Thị Thắm	11/01/1986	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010867	CĐ.240.24/1507
241	Lê Thị Thảo	18/01/1995	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010868	CĐ.241.24/1507
242	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/7/1990	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010869	CĐ.242.24/1507
243	Lường Thị Thơm	10/10/1992	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010870	CĐ.243.24/1507
244	Lê Minh Thu	19/01/1983	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010871	CĐ.244.24/1507
245	Lò Thị Thuận	08/12/1994	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010872	CĐ.245.24/1507
246	Hoàng Thị Trang	16/11/1998	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010873	CĐ.246.24/1507
247	Lường Thị Trang	10/12/1994	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010874	CĐ.247.24/1507
248	Lê Thị Thanh Tú	07/12/1995	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010875	CĐ.248.24/1507
249	Phùng Thị Minh Tuyết	01/02/1982	Nữ	Hải Phòng	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010876	CĐ.249.24/1507
250	Đào Thị Xa	26/02/1996	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010877	CĐ.250.24/1507
251	Bùi Thị Ngọc Yến	17/01/1993	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010878	CĐ.251.24/1507
252	Trần Thị Ánh	20/9/1992	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010879	CĐ.252.24/1507
253	Trịnh Thị Chuyên	26/01/1990	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010880	CĐ.253.24/1507
254	Trần Thị Dịu	08/4/1987	Nữ	Hải Phòng	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010881	CĐ.254.24/1507
255	Nguyễn Thị Dung	10/8/1991	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010882	CĐ.255.24/1507
256	Nguyễn Thị Hiền	26/6/1991	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010883	CĐ.256.24/1507
257	Nguyễn Thị Hương	24/11/1992	Nữ	Hung Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010884	CĐ.257.24/1507
258	Hà Văn Kiên	07/8/1982	Nam	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010885	CĐ.258.24/1507
259	Nguyễn Thị Linh	30/10/1990	Nữ	Ninh Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010886	CĐ.259.24/1507
260	Nguyễn Thị Hồng Linh	26/11/1993	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010887	CĐ.260.24/1507
261	Đoàn Thị Minh	10/06/1985	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010888	CĐ.261.24/1507
262	Phan Thu Nga	09/01/1987	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010889	CĐ.262.24/1507
263	Nguyễn Thị Oanh	19/9/1991	Nữ	Hung Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010890	CĐ.263.24/1507
264	Bùi Thị Thu Phương	20/11/1993	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010891	CĐ.264.24/1507
265	Nguyễn Thị Phương	08/10/1986	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010892	CĐ.265.24/1507
266	Nguyễn Thị Sáng	28/6/1992	Nữ	Bắc Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010893	CĐ.266.24/1507
267	Vương Đình Thắng	18/9/1972	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010894	CĐ.267.24/1507
268	Đỗ Thị Thảo	25/07/1990	Nữ	Hung Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010895	CĐ.268.24/1507

269	Nguyễn Thị Thủy	24/02/1984	Nữ	Bắc Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010896	CĐ.269.24/1507
270	Nguyễn Văn Toàn	14/02/1990	Nam	Hung Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010897	CĐ.270.24/1507
271	Đào Huyền Trang	03/7/1986	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010898	CĐ.271.24/1507
272	Nguyễn Thị Vân	19/01/1986	Nữ	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Khá	130/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010899	CĐ.272.24/1507
273	Nguyễn Thị An	29/01/2000	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010900	CĐ.273.24/1507
274	Hà Đình Chung	17/11/1994	Nam	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010901	CĐ.274.24/1507
275	Lê Thị Thu Hằng	08/8/1994	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010902	CĐ.275.24/1507
276	Lê Hoàng Trung Kiên	08/8/1998	Nam	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010903	CĐ.276.24/1507
277	Trịnh Hồng Linh	10/01/1997	Nữ	Lạng Sơn	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010904	CĐ.277.24/1507
278	Lê Thị Luận	27/05/1985	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010905	CĐ.278.24/1507
279	Nguyễn Thị Lựu	15/11/1990	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010906	CĐ.279.24/1507
280	Nguyễn Thị Tuyết Mây	15/4/1993	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010907	CĐ.280.24/1507
281	Vũ Hoài Nam	23/4/2000	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010908	CĐ.281.24/1507
282	Hoàng Thị Nhung	06/10/1986	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010909	CĐ.282.24/1507
283	Nguyễn Thị Niên	21/02/1980	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010910	CĐ.283.24/1507
284	Nguyễn Thị Quyên	18/01/1987	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010911	CĐ.284.24/1507
285	Nguyễn Thị Sen	01/6/1988	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010912	CĐ.285.24/1507
286	Trần Kim Thu	27/9/1995	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010913	CĐ.286.24/1507
287	Nguyễn Thị Thu Thủy	21/12/1996	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010914	CĐ.287.24/1507
288	Nguyễn Thị Kiều Trang	20/10/1994	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010915	CĐ.288.24/1507
289	Đặng Thị Tuyết	21/10/1982	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010916	CĐ.289.24/1507
290	Nguyễn Hải Yến	03/3/1989	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010917	CĐ.290.24/1507
291	Nguyễn Thị Tú Anh	30/4/1990	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010918	CĐ.291.24/1507
292	Nguyễn Thị Chang	26/11/1990	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010919	CĐ.292.24/1507
293	Trần Mạnh Cường	15/8/1993	Nam	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010920	CĐ.293.24/1507
294	Hoàng Thị Dịu	11/6/1993	Nữ	Hung Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010921	CĐ.294.24/1507
295	Nguyễn Thị Dịu	14/7/1996	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010922	CĐ.295.24/1507
296	Lê Thị Dung Dung	05/7/1988	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010923	CĐ.296.24/1507
297	Bùi Thị Thu Hà	15/08/1998	Nữ	Bình Phước	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010924	CĐ.297.24/1507
298	Nguyễn Văn Hà	30/6/1984	Nam	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010925	CĐ.298.24/1507

299	Bùi Thị Minh Huyền	25/12/1985	Nữ	Hòa Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010926	CĐ.299.24/1507
300	Đỗ Thu Huyền	01/12/2000	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010927	CĐ.300.24/1507
301	Phạm Minh Khuê	28/11/2000	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010928	CĐ.301.24/1507
302	Nguyễn Thị Lan	24/7/1996	Nữ	Hải Phòng	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010929	CĐ.302.24/1507
303	Hà Thị Thuỳ Linh	30/10/1998	Nữ	Bình Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010930	CĐ.303.24/1507
304	Nguyễn Thị Thu Linh	08/02/1996	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010931	CĐ.304.24/1507
305	Nguyễn Thị Lương	25/12/1991	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010932	CĐ.305.24/1507
306	Phạm Thị Luyến	26/02/1989	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010933	CĐ.306.24/1507
307	Nguyễn Bích Ngọc	26/9/2000	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010934	CĐ.307.24/1507
308	Đỗ Thị Quỳnh	01/4/1985	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010935	CĐ.308.24/1507
309	Vũ Thị Sao	19/11/1996	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010936	CĐ.309.24/1507
310	Vũ Thị Thương	19/9/1999	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010937	CĐ.310.24/1507
311	Nguyễn Thị Trang	24/01/1992	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010938	CĐ.311.24/1507
312	Trần Văn Trung	15/8/1983	Nam	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010939	CĐ.312.24/1507
313	Đinh Thị Tường Vi	10/10/1998	Nữ	Đắk Lắk	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010940	CĐ.313.24/1507
314	Lò Thị Hằng	25/12/1992	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010941	CĐ.314.24/1507
315	Trần Văn Hạnh	26/11/1999	Nam	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010942	CĐ.315.24/1507
316	Nguyễn Thị Thúy Hiền	22/8/1986	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010943	CĐ.316.24/1507
317	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/6/1989	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010944	CĐ.317.24/1507
318	Giàng A Phúc	12/4/1994	Nam	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010945	CĐ.318.24/1507
319	Vũ Thị Thanh	20/11/1998	Nữ	Hòa Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010946	CĐ.319.24/1507
320	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	12/7/1990	Nữ	Yên Bái	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010947	CĐ.320.24/1507
321	Hà Anh Tuấn	08/10/1990	Nam	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010948	CĐ.321.24/1507
322	Bùi Thị Vân	10/8/1991	Nữ	Yên Bái	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010949	CĐ.322.24/1507
323	Mùi Văn Việt	06/02/1988	Nam	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010950	CĐ.323.24/1507
324	Nguyễn Bảo Yến	04/10/1984	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	131/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010951	CĐ.324.24/1507
325	Nguyễn Hữu Kiên	23/7/1985	Nam	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010952	CĐ.325.24/1507
326	Nguyễn Thị Nhật Lệ	08/11/2000	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010953	CĐ.326.24/1507
327	Lê Thị Diệu Linh	18/4/1999	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010954	CĐ.327.24/1507
328	Nguyễn Thị Nhung	24/12/1996	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010955	CĐ.328.24/1507

329	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	01/12/2001	Nữ	Yên Bái	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010956	CĐ.329.24/1507
330	Vũ Thị Thoa	19/8/1985	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010957	CĐ.330.24/1507
331	Nguyễn Văn Thường	05/7/1982	Nam	Bắc Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010958	CĐ.331.24/1507
332	Vũ Thị Thu Hằng	01/11/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010959	CĐ.332.24/1507
333	Đào Thị Huệ	10/2/1989	Nữ	Vĩnh Phú	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010960	CĐ.333.24/1507
334	Phạm Chí Tùng	22/6/2001	Nam	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	132/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010961	CĐ.334.24/1507
335	Nguyễn Thị Minh Hoa	16/1/1994	Nữ	Phú Thọ	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010962	CĐ.335.24/1507
336	Hà Phương Linh	28/9/1999	Nữ	Phú Thọ	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010963	CĐ.336.24/1507
337	Phạm Thị Mừng	26/01/1983	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010964	CĐ.337.24/1507
338	Phạm Minh Tuấn	10/09/2001	Nam	Hòa Bình	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010965	CĐ.338.24/1507
339	Nguyễn Thị Minh Trang	31/8/1995	Nữ	Phú Thọ	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010966	CĐ.339.24/1507
340	Nguyễn Thị Hằng	01/01/2000	Nữ	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010967	CĐ.340.24/1507
341	Đinh Thị Thúy Kiều	11/11/2001	Nữ	Phú Thọ	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010968	CĐ.341.24/1507
342	Bùi Như Trà	13/5/2002	Nữ	Sơn La	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	133/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010969	CĐ.342.24/1507
343	Tây Minh Hiếu	29/5/2002	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	134/QĐ-CĐYD	29/02/2024	29/02/2024	F0010970	CĐ.343.24/1507
344	Mai Kiều Anh	10/01/1989	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010971	CĐ.344.24/1507
345	Hoàng Thị Thúy Hà	26/10/1984	Nữ	Hung Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010972	CĐ.345.24/1507
346	Lê Thị Hằng	11/3/1995	Nữ	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010973	CĐ.346.24/1507
347	Nguyễn Thị Hiền	15/9/1992	Nữ	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010974	CĐ.347.24/1507
348	Nguyễn Hữu Hoàng	08/02/1987	Nam	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010975	CĐ.348.24/1507
349	Trương Khánh Ly	26/3/1981	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010976	CĐ.349.24/1507
350	Nguyễn Thị Mến	13/12/1983	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010977	CĐ.350.24/1507
351	Trần Thị Minh Phương	16/02/1992	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010978	CĐ.351.24/1507
352	Nguyễn Thị Thanh Quý	05/8/1975	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010979	CĐ.352.24/1507
353	Nguyễn Nhị Sinh	10/6/1991	Nam	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010980	CĐ.353.24/1507
354	Trần Thị Thúy	16/6/1993	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010981	CĐ.354.24/1507
355	Đặng Thị Tín	12/01/1986	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010982	CĐ.355.24/1507
356	Cầm Thị Vợi	15/5/1991	Nữ	Lai Châu	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010983	CĐ.356.24/1507
357	Nguyễn Thị Yến	10/2/1990	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010984	CĐ.357.24/1507
358	Tạ Thị Ánh	28/02/1996	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010985	CĐ.358.24/1507

359	Trịnh Thị Thúy Hằng	20/4/1994	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010986	CĐ.359.24/1507
360	Nguyễn Thị Hạnh	20/7/1982	Nữ	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010987	CĐ.360.24/1507
361	Đặng Văn Hoàng	06/9/1980	Nam	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010988	CĐ.361.24/1507
362	Dương Thị Minh	03/11/1989	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010989	CĐ.362.24/1507
363	Vũ Thị Nam	30/10/19980	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010990	CĐ.363.24/1507
364	Đỗ Thị Thảo Ngân	06/3/1997	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010991	CĐ.364.24/1507
365	Đặng Thị Thủy Nguyên	18/8/1981	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010992	CĐ.365.24/1507
366	Trần Thị Kim Phượng	19/02/1992	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010993	CĐ.366.24/1507
367	Võ Minh Quân	16/8/1997	Nam	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010994	CĐ.367.24/1507
368	Vũ Đình Quốc	07/9/1988	Nam	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010995	CĐ.368.24/1507
369	Nguyễn Văn Sơn	02/10/1998	Nam	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010996	CĐ.369.24/1507
370	Phan Sỹ Thịnh	24/6/1993	Nam	Quảng Nam	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010997	CĐ.370.24/1507
371	Nguyễn Thị Xoan	04/8/1989	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	165/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010998	CĐ.371.24/1507
372	Nguyễn Thị Ân	17/10/1978	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0010999	CĐ.372.24/1507
373	Đặng Ngọc Anh	15/04/1994	Nữ	Hoà Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011000	CĐ.373.24/1507
374	Đào Ngọc Anh	01/09/1988	Nam	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011001	CĐ.374.24/1507
375	Trần Thị Ngọc Bích	23/04/1994	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011002	CĐ.375.24/1507
376	Lại Quang Biền	19/09/1995	Nam	Hưng Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011003	CĐ.376.24/1507
377	Nguyễn Thị Kim Chi	04/04/1970	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011004	CĐ.377.24/1507
378	Thào Thị Chí	28/02/1989	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011005	CĐ.378.24/1507
379	Vũ Văn Cường	24/08/1986	Nam	Bắc Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011006	CĐ.379.24/1507
380	Phạm Thị Dân	14/05/1992	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011007	CĐ.380.24/1507
381	Đặng Thị Bích Giang	20/06/1983	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011008	CĐ.381.24/1507
382	Nguyễn Thị Thu Hà	18/08/1984	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011009	CĐ.382.24/1507
383	Nguyễn Thị Thu Hà	13/12/1990	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011010	CĐ.383.24/1507
384	Võ Thị Hà	19/03/1991	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011011	CĐ.384.24/1507
385	Trần Thị Thúy Hai	01/11/1993	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011012	CĐ.385.24/1507
386	Cao Thị Thu Hằng	28/07/1981	Nữ	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011013	CĐ.386.24/1507
387	Hoàng Thị Thu Hằng	30/06/1993	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011014	CĐ.387.24/1507
388	Hoàng Thị Hồng Hạnh	27/12/1995	Nữ	Lai Châu	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011015	CĐ.388.24/1507

389	Đoàn Thị Hiền	28/08/1993	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011016	CĐ.389.24/1507
390	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/11/1991	Nữ	Đắk Lắk	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011017	CĐ.390.24/1507
391	Đỗ Văn Hiếu	28/09/1992	Nam	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011018	CĐ.391.24/1507
392	Trần Thị Huệ	03/10/1977	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011019	CĐ.392.24/1507
393	Dương Đức Hùng	01/01/1993	Nam	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011020	CĐ.393.24/1507
394	Phạm Thị Hương	08/08/1989	Nữ	Quảng Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011021	CĐ.394.24/1507
395	Phạm Thị Hương	26/06/1968	Nữ	Hoà Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011022	CĐ.395.24/1507
396	Trần Đăng Khoa	11/12/1986	Nam	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011023	CĐ.396.24/1507
397	Nguyễn Thị Linh	27/12/1985	Nữ	Ninh Bình	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011024	CĐ.397.24/1507
398	Lý Thái Long	25/01/1993	Nam	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011025	CĐ.398.24/1507
399	Quách Thị Lư	15/08/1979	Nữ	Hoà Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011026	CĐ.399.24/1507
400	Nguyễn Hà Phương Mai	29/05/1993	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011027	CĐ.400.24/1507
401	Vũ Thị Mai	04/08/1993	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011028	CĐ.401.24/1507
402	Lê Thị Quỳnh Nga	08/12/1995	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011029	CĐ.402.24/1507
403	Nguyễn Thị Kim Nhung	12/11/1994	Nữ	Hưng Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011030	CĐ.403.24/1507
404	Nguyễn Thị Nhung	20/01/1995	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011031	CĐ.404.24/1507
405	Trần Văn Nghĩa	24/01/1983	Nam	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011032	CĐ.405.24/1507
406	Nguyễn Thị Nhuận	27/02/1996	Nữ	Ninh Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011033	CĐ.406.24/1507
407	Nguyễn Thị Thúy Phương	02/07/1998	Nữ	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011034	CĐ.407.24/1507
408	Trần Phương	22/10/1994	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011035	CĐ.408.24/1507
409	Nguyễn Anh Quân	22/06/1996	Nam	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011036	CĐ.409.24/1507
410	Hà Văn Quang	15/08/1992	Nam	Lai Châu	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011037	CĐ.410.24/1507
411	Nguyễn Thị Thanh Quý	19/12/1992	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011038	CĐ.411.24/1507
412	Ngô Như Quỳnh	03/03/1988	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011039	CĐ.412.24/1507
413	Đoàn Quyết Thắng	24/05/1990	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011040	CĐ.413.24/1507
414	Cà Thị Thanh	08/08/1993	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011041	CĐ.414.24/1507
415	Trần Thị Khánh Thịnh	26/04/1992	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011042	CĐ.415.24/1507
416	Hoàng Tiên Thọ	09/11/1994	Nam	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011043	CĐ.416.24/1507
417	Lữ Văn Thoại	10/10/1994	Nam	Thanh Hoá	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011044	CĐ.417.24/1507
418	Phạm Thị Thơm	28/02/1993	Nữ	Hải Phòng	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011045	CĐ.418.24/1507

419	Nguyễn Thị Thủy	15/10/1991	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011046	CĐ.419.24/1507
420	Nông Thị Bích Thủy	20/07/1987	Nữ	Lào Cai	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011047	CĐ.420.24/1507
421	Phạm Minh Tiến	13/10/1992	Nam	Đồng Nai	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011048	CĐ.421.24/1507
422	Vũ Ngọc Trâm	26/05/1987	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011049	CĐ.422.24/1507
423	Đỗ Thị Thu Trang	23/11/1988	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011050	CĐ.423.24/1507
424	Lê Thị Trang	06/08/1994	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011051	CĐ.424.24/1507
425	Phạm Thủy Kim Tuyền	09/04/1995	Nữ	Đồng Nai	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011052	CĐ.425.24/1507
426	Dương Thị Hoài Vân	06/09/1988	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011053	CĐ.426.24/1507
427	Phạm Thị Vân	16/02/1996	Nữ	Hoà Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011054	CĐ.427.24/1507
428	Nguyễn Thị Tường Vi	30/07/1980	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011055	CĐ.428.24/1507
429	Lưu Ngọc Vinh	20/10/1982	Nam	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011056	CĐ.429.24/1507
430	Phạm Đức Vinh	14/10/1991	Nam	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011057	CĐ.430.24/1507
431	Nguyễn Thị Yến	22/09/1983	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011058	CĐ.431.24/1507
432	Nguyễn Thị Hải Yến	03/08/1992	Nữ	Hung Yên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011059	CĐ.432.24/1507
433	Nguyễn Thị Hải Yến	26/12/1988	Nữ	Hải Phòng	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011060	CĐ.433.24/1507
434	Nguyễn Minh Yến	16/04/1996	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011061	CĐ.434.24/1507
435	Nguyễn Văn Anh	05/04/2000	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011062	CĐ.435.24/1507
436	Lê Hà Châu	22/09/1984	Nam	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011063	CĐ.436.24/1507
437	Đặng Thị Dung	27/12/1995	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011064	CĐ.437.24/1507
438	Phù Thị Thu Hằng	12/06/1989	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011065	CĐ.438.24/1507
439	Nguyễn Thị Hạnh	17/07/1989	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011066	CĐ.439.24/1507
440	Lương Thị Hào	23/06/1990	Nữ	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011067	CĐ.440.24/1507
441	Hà Thị Hoa	17/11/1993	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011068	CĐ.441.24/1507
442	Thuận Mai Hoa	23/09/1987	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011069	CĐ.442.24/1507
443	Nguyễn Thị Hòa	08/03/1992	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011070	CĐ.443.24/1507
444	Nguyễn Thái Học	20/03/1988	Nam	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011071	CĐ.444.24/1507
445	Bùi Thị Huệ	27/12/1991	Nữ	Hòa Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011072	CĐ.445.24/1507
446	Trần Thị Hương	18/01/1990	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011073	CĐ.446.24/1507
447	Nguyễn Thị Thu Hường	19/09/1983	Nữ	TP Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011074	CĐ.447.24/1507
448	Thân Thị Huyền	22/12/1994	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011075	CĐ.448.24/1507

449	Tạ Minh Loan	24/07/1997	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011076	CĐ.449.24/1507
450	Hoàng Xuân Lộc	12/10/2000	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011077	CĐ.450.24/1507
451	Dầu Thị Mai	24/09/1992	Nữ	Cao Bằng	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011078	CĐ.451.24/1507
452	Nguyễn Thị Mến	01/03/1989	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011079	CĐ.452.24/1507
453	Lương Thị Tuyết Nhung	25/06/1994	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011080	CĐ.453.24/1507
454	Nguyễn Thị Oanh	12/05/1995	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011081	CĐ.454.24/1507
455	Lôi Thị Tài	04/11/1988	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011082	CĐ.455.24/1507
456	Hoàng Thị Thanh Tâm	19/05/1994	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011083	CĐ.456.24/1507
457	Âu Diệu Thái	02/09/1995	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011084	CĐ.457.24/1507
458	Trần Thị Thắm	16/08/1993	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011085	CĐ.458.24/1507
459	Nguyễn Thị Cẩm Thơ	07/03/1995	Nữ	Hà Tĩnh	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011086	CĐ.459.24/1507
460	Âu Văn Tuấn	09/10/1983	Nam	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011087	CĐ.460.24/1507
461	Đào Thị Vân	11/01/1996	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011088	CĐ.461.24/1507
462	Trần Thị Bích	10/08/1974	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011089	CĐ.462.24/1507
463	Lò Thị Hà	03/11/1994	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011090	CĐ.463.24/1507
464	Nguyễn Thị Hà	08/10/1983	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011091	CĐ.464.24/1507
465	Đoàn Thị Hải	02/11/1985	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011092	CĐ.465.24/1507
466	Cầm Văn Hoàng	10/04/1984	Nam	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011093	CĐ.466.24/1507
467	Nguyễn Duy Khôi	27/03/1985	Nam	Hà Nam	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011094	CĐ.467.24/1507
468	Hà Thị Khuyến	03/10/1980	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011095	CĐ.468.24/1507
469	Hoàng Thị Khuyến	09/02/1982	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011096	CĐ.469.24/1507
470	Cà Thị Liên	06/12/1992	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011097	CĐ.470.24/1507
471	Nguyễn Thị Liên	30/04/1990	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011098	CĐ.471.24/1507
472	Hoàng Thị Mây	26/08/1984	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011099	CĐ.472.24/1507
473	Đình Thị Nga	01/06/1982	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011100	CĐ.473.24/1507
474	Nguyễn Thị Nga	19/03/1995	Nữ	Thanh Hoá	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011101	CĐ.474.24/1507
475	Tông Thị Sinh	07/02/1994	Nữ	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011102	CĐ.475.24/1507
476	Lê Hồng Thắng	25/10/1991	Nam	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011103	CĐ.476.24/1507
477	Lò Thị Thanh	26/03/1992	Nữ	Yên Bái	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011104	CĐ.477.24/1507
478	Trần Thị Thêm	05/05/1993	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011105	CĐ.478.24/1507

479	Hoàng Thị Kim Thoa	03/03/1991	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011106	CĐ.479.24/1507
480	Lèo Thị Thu	05/12/1988	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011107	CĐ.480.24/1507
481	Lò Thị Thuận	08/09/1985	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011108	CĐ.481.24/1507
482	Khuất Duy Thục	23/04/1986	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011109	CĐ.482.24/1507
483	Hà Thị Thương	02/10/1991	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011110	CĐ.483.24/1507
484	Nguyễn Thị Hồng Thúy	17/01/1984	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011111	CĐ.484.24/1507
485	Vì Văn Tiến	10/10/1982	Nam	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011112	CĐ.485.24/1507
486	Đoàn Thu Trang	31/08/1993	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011113	CĐ.486.24/1507
487	Hoàng Thu Trang	16/11/1988	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011114	CĐ.487.24/1507
488	Lò Thị Kiều Trang	13/01/1995	Nữ	Son La	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011115	CĐ.488.24/1507
489	Nguyễn Thị Tươi	03/11/1992	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011116	CĐ.489.24/1507
490	Bùi Văn Tuyển	20/07/1986	Nam	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011117	CĐ.490.24/1507
491	Lê Thị Vân	30/10/1988	Nữ	Thanh Hoá	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011118	CĐ.491.24/1507
492	Nguyễn Thị Xuân	21/12/1991	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	166/QĐ-CĐYD	11/03/2024	11/03/2024	F0011119	CĐ.492.24/1507
493	Nguyễn Linh Chi	01/9/1995	Nữ	Phú Thọ	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011120	CĐ.493.24/1507
494	Hoàng Kim Công	23/01/1988	Nam	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011121	CĐ.494.24/1507
495	Nông Vĩnh Đạt	11/7/1999	Nam	Thái Nguyên	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011122	CĐ.495.24/1507
496	Nông Thị Đẹp	14/3/1985	Nữ	Cao Bằng	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011123	CĐ.496.24/1507
497	Phạm Thành Đồng	19/8/1996	Nam	Hà Nam	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011124	CĐ.497.24/1507
498	Dương Thị Hạnh	15/01/1987	Nữ	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011125	CĐ.498.24/1507
499	Hầu Đức Hoàng	19/11/1989	Nam	Thái Nguyên	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011126	CĐ.499.24/1507
500	Lê Thị Hợp	22/5/1988	Nữ	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011127	CĐ.500.24/1507
501	Cao Thị Hương	05/5/1987	Nữ	Tuyên Quang	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011128	CĐ.501.24/1507
502	Lường Thị Mai	19/10/1989	Nữ	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011129	CĐ.502.24/1507
503	Triệu Thị Nga	25/5/1990	Nữ	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011130	CĐ.503.24/1507
504	Phạm Thị Ninh	31/12/1990	Nữ	Tuyên Quang	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011131	CĐ.504.24/1507
505	Trịnh Đình Oai	09/11/1979	Nam	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011132	CĐ.505.24/1507
506	Vũ Minh Phương	03/5/1993	Nữ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011133	CĐ.506.24/1507
507	Dương Thị Minh Thêm	21/3/1984	Nữ	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011134	CĐ.507.24/1507
508	Hoàng Văn TỰ	03/01/1991	Nam	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011135	CĐ.508.24/1507

509	Ma Văn Tuấn	28/11/1993	Nam	Bắc Kạn	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011136	CĐ.509.24/1507
510	Nguyễn Văn Anh	25/3/1998	Nữ	Hà Nam	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011137	CĐ.510.24/1507
511	Nguyễn Thị Hồng Chúc	01/8/1991	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011138	CĐ.511.24/1507
512	Trần Văn Điền	17/12/1986	Nam	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011139	CĐ.512.24/1507
513	Phan Thùy Duyên	13/11/1999	Nữ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011140	CĐ.513.24/1507
514	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	16/10/1992	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011141	CĐ.514.24/1507
515	Vũ Thị Hòa	10/02/1993	Nữ	Nam Định	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011142	CĐ.515.24/1507
516	Nguyễn Thị Hương	18/9/1990	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011143	CĐ.516.24/1507
517	Nguyễn Thị Hường	11/12/1991	Nữ	Thái Bình	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011144	CĐ.517.24/1507
518	Nguyễn Thị Hường	15/11/1987	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011145	CĐ.518.24/1507
519	Nguyễn Thị Liên	25/5/1992	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011146	CĐ.519.24/1507
520	Uông Thanh Loan	01/4/1976	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011147	CĐ.520.24/1507
521	Trần Thị Nguyệt	14/5/1991	Nữ	Phú Thọ	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011148	CĐ.521.24/1507
522	Trần Thị Phương	17/3/1999	Nữ	Bắc Ninh	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011149	CĐ.522.24/1507
523	Đoàn Đăng Quý	20/01/1983	Nam	Yên Bái	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011150	CĐ.523.24/1507
524	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/5/1994	Nữ	Yên Bái	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011151	CĐ.524.24/1507
525	Phan Thị Thu Thủy	29/6/1995	Nữ	Hòa Bình	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011152	CĐ.525.24/1507
526	Hoàng Quỳnh Trang	13/10/1992	Nữ	Yên Bái	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011153	CĐ.526.24/1507
527	Lê Văn Trường	07/02/1992	Nam	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011154	CĐ.527.24/1507
528	Nguyễn Thanh Tú	01/8/1995	Nữ	Hà Nội	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011155	CĐ.528.24/1507
529	Tăng Văn Tuyền	04/09/1985	Nam	Yên Bái	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011156	CĐ.529.24/1507
530	Đỗ Thị Dung	26/3/1993	Nữ	Nam Định	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011157	CĐ.530.24/1507
531	Đoàn Danh Dương	10/12/1993	Nam	Nghệ An	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011158	CĐ.531.24/1507
532	Bùi Quỳnh Hoa	15/02/1996	Nữ	Nghệ An	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011159	CĐ.532.24/1507
533	Đặng Thanh Hoài	19/5/1993	Nữ	Nghệ An	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011160	CĐ.533.24/1507
534	Phạm Thị Thu Hoài	02/10/1994	Nữ	Hà Tĩnh	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011161	CĐ.534.24/1507
535	Hoàng Thị Hương	26/10/1992	Nữ	Nghệ An	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011162	CĐ.535.24/1507
536	Vi Văn Mạnh	21/4/1992	Nam	Nghệ An	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011163	CĐ.536.24/1507
537	Nguyễn Thị Thảo	10/6/1972	Nữ	Nghệ An	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011164	CĐ.537.24/1507
538	Nguyễn Hữu Thắng	15/10/2000	Nam	Nghệ An	Điều dưỡng	Chính quy	2024	Khá	191/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011165	CĐ.538.24/1507

539	Lâm Thị Kim Chi	16/8/1998	Nữ	Lào Cai	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011166	CĐ.539.24/1507
540	Nguyễn Tùng Dương	02/12/1995	Nam	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011167	CĐ.540.24/1507
541	Dương Thị Hà	13/9/1996	Nữ	Đắk Lắk	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011168	CĐ.541.24/1507
542	Bùi Thị Hằng	28/5/1992	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011169	CĐ.542.24/1507
543	Trần Thị Hiền	11/7/1989	Nữ	Ninh Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011170	CĐ.543.24/1507
544	Hoàng Thị Hoa	14/5/1993	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011171	CĐ.544.24/1507
545	Trần Thị Thanh Huyền	08/5/1997	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011172	CĐ.545.24/1507
546	Vương Văn Kết	25/8/1989	Nam	Lào Cai	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011173	CĐ.546.24/1507
547	Hoàng Đức Lâm	02/02/1982	Nam	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011174	CĐ.547.24/1507
548	Phạm Thị Ngọc Lan	09/7/1991	Nữ	Vĩnh Phúc	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011175	CĐ.548.24/1507
549	Tô Thị Linh	25/7/1999	Nữ	Bắc Ninh	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011176	CĐ.549.24/1507
550	Nguyễn Việt Hải Long	24/5/2000	Nam	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011177	CĐ.550.24/1507
551	Nguyễn Thị Mai	10/3/1979	Nữ	Nghệ An	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011178	CĐ.551.24/1507
552	Trần Văn Minh	24/02/1991	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011179	CĐ.552.24/1507
553	Hoàng Thị Thanh Nga	12/01/1985	Nữ	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011180	CĐ.553.24/1507
554	Nguyễn Thị Ngọc	12/5/1991	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011181	CĐ.554.24/1507
555	Dương Thị Nhung	18/3/1995	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011182	CĐ.555.24/1507
556	Bùi Thị Nội	25/8/1992	Nữ	Hòa Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011183	CĐ.556.24/1507
557	Sùng Xé Nu	11/3/1994	Nữ	Điện Biên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011184	CĐ.557.24/1507
558	Lê Thị Oanh	20/9/1980	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011185	CĐ.558.24/1507
559	Nguyễn Thị Quỳnh	20/9/1994	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011186	CĐ.559.24/1507
560	Vũ Thị Thu	28/4/1990	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011187	CĐ.560.24/1507
561	Đỗ Thị Thúy	20/10/1982	Nữ	Thanh Hóa	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011188	CĐ.561.24/1507
562	Đoàn Văn Trường	15/01/1988	Nam	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011189	CĐ.562.24/1507
563	Chu Thế Tuấn	04/2/1988	Nam	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011190	CĐ.563.24/1507
564	Lê Văn Tùng	20/02/1994	Nam	Hải Phòng	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011191	CĐ.564.24/1507
565	Nguyễn Văn Tùng	25/01/1993	Nam	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011192	CĐ.565.24/1507
566	Nghiêm Thị Tuyến	06/02/1995	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011193	CĐ.566.24/1507
567	Nguyễn Thị Hoa	30/7/1991	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011194	CĐ.567.24/1507
568	Nguyễn Văn Hoa	27/7/1988	Nam	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ-CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011195	CĐ.568.24/1507

569	Nguyễn Thị Lan	06/10/1982	Nữ	Ninh Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011196	CĐ.569.24/1507
570	Đỗ Thị Mai	27/8/1979	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011197	CĐ.570.24/1507
571	Vũ Thị Bích Ngọc	04/11/1987	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011198	CĐ.571.24/1507
572	Nguyễn Thị Oanh	17/8/1993	Nữ	Bắc Giang	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011199	CĐ.572.24/1507
573	Triệu Thị Bé	24/12/1986	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011200	CĐ.573.24/1507
574	Nguyễn Thị Chinh	24/6/1978	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011201	CĐ.574.24/1507
575	Trần Thị Bích Đào	23/3/1991	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011202	CĐ.575.24/1507
576	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/02/1997	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011203	CĐ.576.24/1507
577	Vương Văn Đường	06/9/1988	Nam	Tuyên Quang	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011204	CĐ.577.24/1507
578	Phạm Thị Hương Giang	08/7/1976	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011205	CĐ.578.24/1507
579	Lò Sơn Hải	22/3/1990	Nam	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011206	CĐ.579.24/1507
580	Đình Xuân Hòa	15/01/1994	Nam	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011207	CĐ.580.24/1507
581	Nguyễn Vũ Hoàng	01/10/1989	Nam	Thái Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011208	CĐ.581.24/1507
582	Nguyễn Thị Mai Hương	30/9/1993	Nữ	Thái nguyên	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011209	CĐ.582.24/1507
583	Hoàng Thị Hường	04/10/1974	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011210	CĐ.583.24/1507
584	Ma Thị Thúy Hường	29/9/1991	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011211	CĐ.584.24/1507
585	Trần Thị Loan	29/4/1980	Nữ	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011212	CĐ.585.24/1507
586	Đình Thị Hằng Nga	26/3/1993	Nữ	Ninh Bình	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011213	CĐ.586.24/1507
587	Đỗ Thị Oanh	26/11/1986	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011214	CĐ.587.24/1507
588	Dương Kim Oanh	13/6/1989	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011215	CĐ.588.24/1507
589	Phạm Thị Minh Phương	26/01/1987	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011216	CĐ.589.24/1507
590	Nguyễn Văn Sự	15/10/1984	Nam	Hà Nội	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011217	CĐ.590.24/1507
591	Nguyễn Thị Thanh	07/10/1992	Nữ	Nam Định	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011218	CĐ.591.24/1507
592	Phạm Hải Thanh	13/01/1994	Nam	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011219	CĐ.592.24/1507
593	Lê Thị Thành	10/5/1981	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011220	CĐ.593.24/1507
594	Đồng Thu Thảo	11/8/1998	Nữ	Hải Dương	Dược	Chính quy	2024	Giỏi	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011221	CĐ.594.24/1507
595	Lý Thị Thảo	19/01/1984	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011222	CĐ.595.24/1507
596	Lê Thị Bích Thủy	10/8/1966	Nữ	Phú Thọ	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011223	CĐ.596.24/1507
597	Bùi Văn Tùng	18/3/1993	Nam	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	192/QĐ- CĐYD	20/03/2024	20/03/2024	F0011224	CĐ.597.24/1507
598	Nguyễn Văn Hà	19/8/2002	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	193/QĐ- CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011225	CĐ.598.24/1507

599	Nguyễn Minh Hưng	30/6/2000	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	193/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011226	CĐ.599.24/1507
600	Đỗ Minh Quân	01/12/2002	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	193/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011227	CĐ.600.24/1507
601	Trần Hoàng Quân	08/02/1998	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	193/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011228	CĐ.601.24/1507
602	Lê Văn Thành	25/12/2002	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	193/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011229	CĐ.602.24/1507
603	Chu Huy Thường	04/7/2000	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	2024	Khá	193/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011230	CĐ.603.24/1507
604	Nguyễn Hoài Bắc	15/8/2002	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	194/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011231	CĐ.604.24/1507
605	Ngô Chí Dũng	09/02/1994	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Giỏi	194/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011232	CĐ.605.24/1507
606	Giáp Thị Thanh Huyền	24/02/1991	Nữ	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	194/QĐ-CĐYD	21/03/2024	21/03/2024	F0011233	CĐ.606.24/1507
607	Hoàng Thị Anh	08/8/1994	Nữ	Thái Nguyên	Dược	Chính quy	2024	Khá	218/QĐ-CĐYD	27/03/2024	27/03/2024	F0011234	CĐ.607.24/1507
608	Vàng Xuân Siêng	12/01/1994	Nam	Sơn La	Dược	Chính quy	2024	Khá	218/QĐ-CĐYD	27/03/2024	27/03/2024	F0011235	CĐ.608.24/1507
609	Hoàng Diệu Trang	26/11/1993	Nữ	Bắc Kạn	Dược	Chính quy	2024	Khá	218/QĐ-CĐYD	27/03/2024	27/03/2024	F0011236	CĐ.609.24/1507
610	Dương Bình Dương	30/5/1987	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	257/QĐ-CĐYD	05/04/2024	05/04/2024	F0011237	CĐ.610.24/1507
611	Lê Hạ Long Hải	20/3/1984	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	257/QĐ-CĐYD	05/04/2024	05/04/2024	F0011238	CĐ.611.24/1507
612	Phạm Quỳnh Hoa	14/10/1985	Nữ	Hải Phòng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	257/QĐ-CĐYD	05/04/2024	05/04/2024	F0011239	CĐ.612.24/1507
613	Đào Quang Thành	29/4/1997	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	257/QĐ-CĐYD	05/04/2024	05/04/2024	F0011240	CĐ.613.24/1507
614	Phạm Thị Hoài Thu	17/7/1989	Nữ	Sơn La	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	257/QĐ-CĐYD	05/04/2024	05/04/2024	F0011241	CĐ.614.24/1507
615	Nguyễn Thanh Tùng	23/01/1993	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	2024	Khá	257/QĐ-CĐYD	05/04/2024	05/04/2024	F0011242	CĐ.615.24/1507